

DỰ BÁO LỢI NHUẬN Q2/24: SỰ HỒI PHỤC ĐANG DẪN RÕ NÉT HƠN

- Chúng tôi dự báo lợi nhuận toàn thị trường có thể đạt mức tăng 9.5% svck trong Q2/2024 hỗ trợ bởi mức nền thấp cùng kỳ trong khi sản xuất và tiêu dùng có sự phục hồi nhẹ.
- Lợi nhuận ngành ngân hàng được dự báo tăng trưởng chậm lại ở mức 12% svck (Q1/24: 14% svck). Các ngành đạt mức tăng trưởng LN nổi bật gồm bán lẻ (+379% svck), vật liệu cơ bản (+63% svck) tới từ mức nền thấp năm ngoái.
- Một số ngành ước tính tăng trưởng LN giảm như Bất động sản KCN (-26% svck) do mức nền cao năm ngoái hay dầu khí (-2% svck) do kết quả kém tích cực ở các doanh nghiệp hạ nguồn.

Ngành ngân hàng tốc độ tăng trưởng LN có thể giảm nhẹ

NIM sẽ tiếp tục chịu áp lực giảm khi lãi suất cho vay dự báo sẽ giảm thêm trong khi lãi suất huy động đã tăng nhẹ ở hầu hết các ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng trong Quý 2 dự báo sẽ khả quan hơn so với Quý 1 (20/6/2024 TTTD ước đạt 4.17% so với mức 0.26% vào cuối Quý 1/24) nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ, do đó nhìn chung thu nhập lãi thuần vẫn chưa thể tăng mạnh. Thu nhập ngoài lãi vẫn ảm đạm và chưa thể phục hồi khi chỉ dựa chủ yếu vào mảng thu phí và xử lý nợ. Hoạt động kinh doanh ngoại hối với chứng khoán dự báo sẽ không có mức tăng trưởng cao khi tình hình thị trường càng lúc càng khó khăn. Chi phí trích lập dự phòng vẫn sẽ tiếp tục tăng khi nợ xấu có dấu hiệu tăng lại trong Quý 2 này. NPL tăng và LLR giảm là xu hướng chung toàn ngành. Nhìn chung LNST của các NH sẽ có mức tăng trưởng không cao, mức tăng nổi bật ở một số ngân hàng có tăng trưởng tín dụng tốt như LPB, VPB, HDB; một số ngân hàng ghi nhận LNST tăng trưởng âm do LNST cùng kỳ năm ngoái ở mức cao như STB, BID.

Ngành bất động sản phục hồi nhưng phân hóa

Kết quả kinh doanh của nhóm BĐS dân cư theo dự phóng của chúng tôi sẽ chưa chứng kiến sự đột phá trong Quý 2 do thiếu dự án để bàn giao và tình trạng pháp lý của các dự án vẫn chưa thay đổi nhiều trước thời điểm ban hành các luật liên quan (dự kiến ngày 1/8/2024). Các yếu tố như lãi suất, chi phí bán hàng giảm sẽ hỗ trợ phần nào cho lợi nhuận Quý 2 này. Lợi nhuận ròng toàn ngành nhiều khả năng đi ngang chủ yếu nhờ VHM khi doanh nghiệp có dự án đang bàn giao, có tình trạng pháp lý rõ ràng đi kèm với sự phát triển của các cơ sở hạ tầng xung quanh. Một số doanh nghiệp khác có thể chứng kiến mức giảm so với cùng kỳ từ 50-70% như KDH, DXG do doanh thu bàn giao dự án sụt giảm khi so với mức nền cao của quý 2 năm 2023. Phân khúc đất nền và bất động sản nghỉ dưỡng sẽ tiếp tục trầm lắng trong thời gian sắp tới do mang tính đầu cơ và gặp nhiều vấn đề về pháp lý.

Ngành khu công nghiệp lợi nhuận suy giảm trên mức nền cao cùng kỳ

Nhìn chung, KQKD trong Q2/24 ngành BĐS KCN có sự suy giảm do cùng kỳ năm ngoái các công ty ghi nhận lợi nhuận cao (SZC, KBC, IDC, PHR). Lợi nhuận của BCM tăng mạnh do có mức nền thấp của Quý 2/23. Trong 5 tháng đầu năm 2024, vốn FDI thực hiện tăng 7.8% svck cho thấy nhu cầu đất KCN đang tăng trưởng tốt. Nguồn cung đất ở khu vực miền Nam đang cho thấy những dấu hiệu tích cực hơn từ việc chuyển đổi đất cao su nhờ các vấn đề về pháp lý được giải quyết khi luật Đất đai (sửa đổi) được thông qua.

Trưởng phòng



Nguyễn Tiến Dũng

dung1.nguyentien@mbs.com.vn

Ngành vật liệu cơ bản tiếp tục phục hồi

Ngành vật liệu cơ bản sẽ tiếp tục duy trì đà phục hồi trong Quý 2 này với điểm sáng nổi bật từ nhóm các doanh nghiệp thép. Nhóm thép cho thấy mức phục hồi lợi nhuận đáng kể so với cùng kỳ trong bối cảnh giá NVL hạ nhiệt tác động tích cực đến biên LN gộp của DN. Giá nguyên liệu than và quặng giảm lần lượt 18% và 20% svck trong khi giá thép chỉ giảm 7% svck giúp biên gộp tăng lên mức trung bình 12% (so với 5% của năm 2023). Giá NVL có thể duy trì ở mức thấp như hiện nay trong bối cảnh nguồn cung ổn định và nhu cầu nhập hàng tồn kho nguyên vật liệu tại TQ giảm mạnh (do cắt giảm sản lượng thép). Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ cải thiện trong bối cảnh nhu cầu nội địa hồi phục. Sự hồi phục của nhu cầu và sản lượng tiêu thụ nội địa có thể tiếp tục duy trì tích cực như hiện nay khi nguồn cung BĐS dự kiến sẽ đẩy mạnh kể từ Quý 3. Khả năng tăng giá thép có thể xảy ra trong Quý 3 nhờ nhu cầu cải thiện cũng như áp lực giảm giá của TQ hạ nhiệt.

Ngành dầu khí triển vọng khu vực thượng nguồn vẫn tích cực

Q2/2024, các doanh nghiệp ngành dầu khí có thể tiếp tục duy trì trạng thái phân hóa lợi nhuận. Nhóm cổ phiếu thượng nguồn (PVD, PVS) có thể ghi nhận lợi nhuận tăng tốt svck khi khối lượng công việc tăng, trong đó PVS ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động chế tạo chân đế điện gió ngoài khơi. Lợi nhuận của PVD không có nhiều đột biến so với quý trước khi giá thuê các giàn JU ổn định và chưa ghi nhận đóng góp của các giàn thuê mới. Dự kiến lợi nhuận của các nhóm cổ phiếu trung nguồn (GAS, PVT) sẽ đi ngang so với cùng kỳ khi Q2 là thời điểm huy động điện khí nhiều hơn, kéo theo sản lượng khí (khí khô, khí hóa lỏng) của GAS có thể cao hơn Q1; cước vận tải dầu khí nhìn chung không tăng đột biến so với cùng kỳ trong khi đội tàu chưa được mở rộng nhanh như dự kiến. Ở khu vực hạ nguồn, lợi nhuận của PLX và BSR phân hóa rõ ràng khi PLX có thể ghi nhận lợi nhuận đi ngang từ mức nền cao của cùng kỳ còn BSR bị ảnh hưởng tiêu cực tới sản lượng và lợi nhuận khi nhà máy bảo dưỡng trong Quý 2.

Ngành điện triển vọng từ hoàn thiện khung pháp lý

Điện khí: Sản lượng cải thiện trong Q2/24 so với mức thấp Q1/24, hầu hết các nhà máy sử dụng khí Đông Nam Bộ như Nhơn Trạch 1&2 và cụm Phú Mỹ được huy động trở lại nhưng giảm nhẹ so với mức cùng kỳ năm ngoái. Dự kiến LN các nhóm doanh nghiệp điện khí sẽ cải thiện sv Q1 do được huy động trở lại cùng giá thị trường điện trong Q2 neo cao ~1800-1900đ/kWh. Thủy điện: sản lượng thủy điện cải thiện mạnh từ cuối T5 đầu T6 sau khi phải tích nước trong Q1, các hồ thủy điện ở miền Bắc và Trung duy trì mức nước tốt, sẵn sàng phát điện theo điều độ. Tuy nhiên, doanh thu nhiều thủy điện lớn có thể chưa cải thiện tương ứng theo sản lượng do giá bán giảm, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có giá điện hợp đồng thấp. Điện than: Sản lượng điện than có xu hướng giảm từ tháng 6, tuy nhiên đây vẫn là mức huy động ngang svck, dự kiến sản lượng điện than Q2/24 vẫn có thể duy trì tăng trưởng do huy động tốt T4-5/24, hỗ trợ tăng trưởng LN của nhóm. Trong Q2, một số chính sách có hiệu lực như cơ chế tính giá bán lẻ mới có hiệu lực, làm cơ sở để EVN tăng giá điện trong nửa cuối năm, mặt khác, đây cũng là giai đoạn ngành điện đẩy nhanh hoàn thiện các chính sách quan trọng liên quan đến cơ chế tính giá điện LNG và cơ chế mua bán điện trực tiếp cho NLTT (DPPA), hỗ trợ triển vọng triển khai dự án từ nửa cuối 2024.

Ngành bán lẻ phục hồi từ mức nền thấp

(1) Bán lẻ ICT-CE: Tiếp tục tăng trưởng chậm, điểm sáng từ lĩnh vực điện máy ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số do thời tiết nắng gắt, nhu cầu lắp máy lạnh gia tăng. Các nhà bán lẻ tăng mức nền giá sản phẩm svck sẽ giúp biên LN gộp cải thiện hơn, từ đó lợi nhuận ròng mảng ICT-CE cải thiện rõ rệt svck. (2) Bán lẻ trang sức: Giá vàng Q2/24 biến động mạnh, tăng mạnh 27 % svck và tăng 15% từ T2/24-T5/24, thúc đẩy nhu cầu giao dịch vàng nhẫn, từ đó doanh thu bán lẻ trang sức dự kiến tăng trưởng 12% svck. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu và tỷ trọng bán vàng miếng, vàng nhẫn gia tăng sẽ ảnh hưởng đến biên LN gộp của doanh nghiệp bán lẻ trang sức, dự kiến giảm khoảng 3 d% svck. (3) Bán lẻ dược phẩm: Quy mô nhà thuốc gia tăng sẽ giúp doanh thu bán lẻ dược phẩm tăng tốt hơn svck. Dự kiến Long Châu sẽ mở thêm 83 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng lên 1,670. tăng trưởng 34% svck; An Khang duy trì tổng số nhà thuốc, tổng kết, doanh thu bán lẻ dược phẩm dự kiến tăng trưởng khoảng 57% svck.

Dự báo lợi nhuận ròng Q2/24 các doanh nghiệp MBS theo dõi

STT	Mã CP	Ngành	Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
			2024	Q2/2024	
1	LPB	Ngân hàng	↑ 46%	↑ 146%	- LN ròng kỳ vọng tăng trưởng 146% svck trong Q2/24 nhờ 1) mức nền thấp của Q2/23 ,2) tăng trưởng tín dụng tăng trưởng 12.8% sv đầu năm nhờ tiếp tục đẩy mạnh cho vay nhóm khách hàng doanh nghiệp - NIM sẽ giảm nhẹ 12 đcb sv Q1/24 do đẩy mạnh KHDN có lãi suất cho vay thấp hơn.
2	VPB	Ngân hàng	↑ 78%	↑ 62%	TTTT Q2/2024 đạt 11.5%, NIM đi ngang so với Q1/2024 và đạt mức 5.8%. Chi phí trích lập giảm 15% trong Q2/2024 so với Q1/2024.
3	HDB	Ngân hàng	↑ 31%	↑ 38%	Tăng trưởng tín dụng dự kiến +9% sv đầu năm. NIM được xác định tạo đáy trong 2023, và đang trên đà cải thiện trong 2024. - Tăng trưởng tín dụng tiếp tục cải thiện trong Q2/24 (+7% sv đầu năm) nhờ lãi suất cho vay vẫn ở mức thấp và cung cấp các gói tín dụng với lãi suất hấp dẫn trong Q2/24.
4	EIB	Ngân hàng	↗ 11%	↑ 29%	- Giảm áp lực tăng nợ xấu trong Q2/24 khi nợ nhóm 2 của EIB trong Q1/24 đã giảm xuống 1.2% (21 bps sv quý trước) - LN ròng Q2/24 tăng 29% svck chủ yếu từ mức nền thấp trong 2023
5	TCB	Ngân hàng	↑ 30%	↑ 26%	TTTT Q2/2024 đạt khoảng 12%, thấp hơn nhẹ so với Q1 đạt 7.1%. NIM giảm nhẹ xuống mức 4.2%. Chi phí trích lập đi ngang so với Q1/2024
6	ACB	Ngân hàng	↗ 15%	↗ 20%	- Tăng trưởng tín dụng dự kiến tiếp tục tăng trong Q2/24 (khoảng +7% sv đầu năm) nhờ lãi suất cho vay vẫn ở mức thấp - Giảm áp lực tăng nợ xấu trong Q2/24 - LN ròng Q2/24 tăng 20% svck chủ yếu từ mức nền thấp trong 2023 (Q2/23: -2% svck)
7	CTG	Ngân hàng	↗ 12%	↗ 8%	TTTT Q2/2024 đạt 7%, NIM đi ngang so với Q1/2024 và đạt mức 3%. Chi phí trích lập giảm mạnh sau khi đã tăng cao trong Q1/2024.
8	VCB	Ngân hàng	↗ 7%	→ 4%	LN kỳ vọng đi ngang svck khi tín dụng được dự báo cải thiện hơn sv quý liền trước, nhưng tốc độ tăng trưởng dự kiến thấp hơn svck (Q2/23: +2.7% ytd). đồng thời, NIM của VCB tiếp tục chịu áp lực khi phải hạ lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Tuy nhiên, VCB vẫn đang có mặt bằng lãi suất huy động thấp sv lịch sử và so với mặt bằng các NHTM khác, khi chưa có dấu hiệu tăng lãi suất huy động trở lại. Chính vì thế, dự kiến chi phí huy động của VCB được cải thiện hơn svck
9	TPB	Ngân hàng	↗ 20%	→ 2%	LN dự kiến đi ngang svck khi mặc dù NIM của TPB đã cải thiện và tạo đáy, tuy nhiên tín dụng của TPB tăng trưởng âm trong Q1/24 và chỉ dự kiến được cải thiện trong Q2/24.
10	VIB	Ngân hàng	↗ 14%	→ 1%	TTTT Q2/2024 đạt 2.5%, NIM đi ngang so với Q1/2024 và đạt mức 4%. Chi phí trích lập giảm nhẹ sau khi đã tăng cao trong Q1/2024.
11	OCB	Ngân hàng	↗ 18%	→ -2%	TTTT Q2/2024 đạt 5.6%, NIM giảm 30 điểm cơ bản so với Q1/2024 và đạt mức 3%. Chi phí trích lập đi ngang so với Q1/2024 trong Q2/2024.
13	BID	Ngân hàng	↗ 16%	↘ -14%	LN ròng dự kiến giảm 14% svck, do (1) CPDPRRTD tăng 25% svck, (2) NIM chưa cải thiện rõ rệt do ngân hàng vẫn đang thực hiện chính sách ưu đãi lãi suất cho vay ở mức thấp so với toàn ngành, (3) Q2/23: LNST +5% svck.
14	STB	Ngân hàng	→ 4%	↘ -21%	TTTT Q2/2024 đạt 4%, NIM giảm 20 điểm cơ bản so với Q1/2024 và đạt mức 3.5%. Chi phí trích lập giảm 12% trong Q2/2024 so với Q1/2024.

STT Mã CP Ngành	Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
	2024	Q2/2024	
15 MWG Tiêu dùng & bán lẻ	↑ 1930%	↑ 2944%	LN ròng tăng mạnh mẽ so với mức nền thấp của năm 2024 nhờ vào (1) Biên LN gộp cải thiện 2.5 đ% svck khi mức nền giá các sản phẩm ICT-CE đều tăng trở lại, cao hơn 5-10% svck (1) BHX duy trì doanh thu trung bình/cửa hàng đạt 1.9 tỷ đồng/tháng cùng với biên LN gộp khoảng 25%, hỗ trợ cho đà tăng trưởng mạnh mẽ của LN ròng trong Q2/2024
16 FRT Tiêu dùng & bán lẻ	↑ 166%	↑ 119%	LN gộp dự kiến tăng mạnh 119% svck nhờ vào (1) mức nền thấp của Q2/24, (2) biên LN gộp cải thiện khi mức nền giá các sản phẩm ICT-CE đều tăng cao 5-10% svck
17 DGW Tiêu dùng & bán lẻ	↑ 53%	↑ 58%	Trong Q2/2024, LN ròng dự báo tăng 58% svck dựa trên mức nền thấp năm 2023 do (1) cuộc chiến về giá kết thúc, DGW có thể giảm chi phí hỗ trợ bán hàng cho các doanh nghiệp bán lẻ (2) DGW tăng cường các sản phẩm mới có biên LN tốt hơn ở lĩnh vực tiêu dùng, đồ gia dụng, từ đó cải thiện biên LN gộp chung.
18 PNJ Tiêu dùng & bán lẻ	↔ 19%	↔ 13%	Q2/24, lượng giao dịch vàng nhẫn (vàng trang sức) tăng đột biến, dự báo giá vàng miếng tăng khoảng 27% svck, tổng doanh thu tăng mạnh svck, tuy nhiên do giá nguyên vật liệu tăng cao nên biên LN gộp bị ảnh hưởng, dự tính trung bình giảm 3.5 đ% svck, do đó LN ròng chỉ tăng 13% svck.
19 DBC Tiêu dùng & bán lẻ	↑ 1687%	↓ -79%	Q2/24, DBC không còn ghi nhận lợi nhuận từ dự án chung cư Parkview, bên cạnh đấy mảng kinh doanh chính khởi sắc, giá heo hơi dự báo tăng 18% svck, giá sản xuất thức ăn chăn nuôi tiếp tục hạ nhiệt giúp cho lĩnh vực chăn nuôi heo có lợi nhuận (năm 2023 mảng chăn nuôi heo kinh doanh thua lỗ)
20 PVS Dầu khí	↔ 10%	↔ 23%	Các gói thầu hạn chế tại Lô B vẫn được thanh toán đầy đủ, không nhận thấy rủi ro chậm FID. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5 tháng đầu năm 2024 lần lượt đạt mức 6815 tỷ (+10.5% yoy) và 573 tỷ VNĐ (+50.4% yoy), chủ yếu nhờ ghi nhận doanh thu hợp đồng điện gió ngoài khơi.
21 PVD Dầu khí	↑ 67%	↔ 18%	Giá thuê giàn khoan tiếp tục duy trì ở mức cao, tuy nhiên chưa có đột biến so với Q1 khi chưa ghi nhận đóng góp của các giàn đi thuê; hoạt động dịch vụ kỹ thuật giếng khoan được kỳ vọng có sự tăng trưởng khi một số mỏ dầu khí mới trong nước được triển khai. Trong Q2/24, giảm tự nâng của PVD là PVD Drilling III đã khoan thành công giếng Bunga Aster 1 với phát hiện dầu khí tích cực; Công ty cũng đã ký kết hợp đồng Các dịch vụ đi kèm cho chương trình khoan và hoàn thiện các giếng phát triển mỏ Đại Hùng pha 3, Lô 05-1(a)
22 PVT Dầu khí	↔ 12%	↔ 4%	Giá cước vận tải dầu khí ở mức cao, tuy nhiên gần như đi ngang svck. Đội tàu Q2/24 (52 tàu) có tăng trưởng so với thời điểm Q2/23 (47 tàu), hiệu suất hoạt động tốt kéo theo lợi nhuận tăng.
23 PLX Dầu khí	↔ 17%	↔ 1%	PLX có thể gia tăng thị phần khi một số đơn vị đầu mỗi xăng dầu trong nước bị thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh, đồng thời tỷ lệ sản lượng xăng dầu nhập về từ nước ngoài giảm so với cùng kỳ, có thể giúp biên lợi nhuận tốt hơn. Lợi nhuận dự kiến đi ngang từ mức nền cao của cùng kỳ khi các chi phí kho bãi, nhập khẩu tăng cao hơn svck.
24 GAS Dầu khí	↔ 1%	↔ 0%	Lợi nhuận Q2 có thể tăng trưởng so với quý trước nhờ điện khí được huy động nhiều hơn trong mùa nắng nóng, tuy nhiên đi ngang svck khi sản lượng các mỏ khí đang khai thác suy giảm và được bù đắp bởi việc kinh doanh khí hóa lỏng (LNG)
25 BSR Dầu khí	↔ -25%	↔ -19%	Nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng lần 5, thời gian bảo dưỡng chủ yếu trong Q2 do đó sẽ ảnh hưởng tới sản lượng; bên cạnh đó crack spread tham chiếu tại châu Á hiện đang thấp hơn svck, có thể gây ảnh hưởng tới biên lợi nhuận lọc dầu của BSR trong quý và tác động tiêu cực đến lợi nhuận ròng.
26 BCM BĐS KCN	↓ -51%	↑ 165%	LN ròng Q2/24 tăng trưởng mạnh trên mức nền thấp của Q2/23
27 PHR BĐS KCN	↔ -21%	↔ 1%	LN ròng Q2/24 duy trì ổn định svck. Lũy kế 6T24, LN ròng giảm -44% svck do không còn ghi nhận tiền từ bồi thường đất.
28 SZC BĐS KCN	↑ 52%	↔ -16%	LN ròng Q2/24 có thể giảm nhẹ 16% trên mức LN cao của cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 6T/24, chúng tôi dự phóng LN ròng tăng trưởng 35% svck nhờ dòng vốn FDI vào Việt Nam tích cực giúp doanh thu mảng KCN tăng trưởng tốt, trong khi mảng BDS nhà ở gặp khó khăn chung.
29 IDC BĐS KCN	↔ 1%	↓ -37%	Chúng tôi cho rằng doanh thu mảng KCN trong Q2/24 sẽ giảm mạnh do phần lớn đất ký hợp đồng của năm ngoái đã được bàn giao trong Q1/24. Doanh thu mảng năng lượng giảm do thời tiết khô hạn kéo dài trong kỳ vừa qua. Kết quả là LN ròng Q2/24 có thể giảm 37% svck.
30 KBC BĐS KCN	↓ -41%	↓ -39%	Chúng tôi dự báo Q2/24 KBC sẽ có lãi trở lại do quý trước không ghi nhận doanh thu từ mảng KCN. Tính lũy kế 6T đầu năm, LN ròng sẽ giảm mạnh 74% do cùng kỳ năm ngoái ghi nhận mức LN cao.
31 HDG BĐS Dân cư	↑ 37%	↑ 319%	Sản lượng thủy điện cải thiện từ tháng 4, đặc biệt các khu vực sông, hồ thủy điện Miền Trung và miền Bắc có sự cải thiện rõ rệt, hỗ trợ LN nhóm thủy điện dự kiến phục hồi từ nền thấp năm ngoái và Q1/24. Dự kiến doanh nghiệp sẽ vẫn chưa mở bán Charm Villa GD3. Chi phí tài chính tiếp tục giảm do doanh nghiệp đàm phán được những khoản nợ với lãi suất thấp cho các dự án thủy điện
32 NLG BĐS Dân cư	↔ -6%	↔ 10%	DT tăng trưởng 10% svck trong bối cảnh bắt đầu bàn giao dự án Akari mà Waterpoint. Hơn nữa, những dự án này có biên gộp cao hơn so với Mizuki do giá bán chung cư tăng mạnh. Hơn nữa, lãi vay hạ nhiệt giúp chi phí tài chính giảm 20% svck.
33 DXG BĐS Dân cư	↑ 33%	↓ -70%	Tiếp tục ghi nhận bàn giao dự án Gem Sky World và phần còn lại của Opal Skyline, doanh thu môi giới dự phóng +40% svck kể từ mức nền thấp của năm ngoái
34 KDH BĐS Dân cư	↔ 13%	↓ -75%	Tiếp tục ghi nhận bàn giao phần còn lại của Classia, đến cuối Q1/24 đã bàn giao được 93% trên tổng số 176 đơn vị thấp tầng

STT Mã CP	Ngành	Dự báo tăng trưởng LN				Nhận xét	
			2024		Q2/2024		
35	HPG	Vật liệu cơ bản	↑	94%	↑	127%	Sản lượng bán hàng của HPG dự báo tăng trưởng 20% QoQ và 22% yoy nhờ ngành xây dựng khả quan kéo theo tiêu thụ thép xây dựng tăng 28% svck. Bên cạnh đó, giá NVL giảm 15% svck tác động tích cực đến biên LN gộp của DN. CHI phí tài chính giảm nhẹ trong bối cảnh lãi vay và tỷ giá hạ nhiệt.
36	PTB	Vật liệu cơ bản	↑	73%	↑	66%	- LN ròng tăng trưởng 66% svck trong Q2/24 nhờ mức nền thấp trong Q2/23 và đơn hàng xuất khẩu gỗ phục hồi tốt hơn trong Q2. Mảng đá tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ nhu cầu cao từ thị trường Mỹ
37	KSB	Vật liệu cơ bản	↑	173%	↑	54%	Nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng khi đẩy mạnh đầu tư công tăng trưởng trong bối cảnh Chính phủ tăng cường giải ngân. Nhu cầu tiêu thụ ăng kéo theo sản lượng tăng 8% svck và giá bán tăng nhẹ 3% svck trong bối cảnh nhu cầu tăng trưởng. Nhờ đó, biên gộp cải thiện lên mức 23% (so với 20% cùng kì). DT tăng và biên gộp cải thiện dự kiến tác động tích cực tới KQKD của KSB.
38	DCM	Vật liệu cơ bản	↑	56%	↑	53%	LN ròng dự kiến tăng mạnh svck khi nhà máy ure Cà Mau hết khấu hao (kể từ Q4/2023), giá ure tăng nhẹ svck; đồng thời sáp nhập nhà máy NPK Hàn Việt giúp tăng tổng công suất và công ty có thêm một vị trí chiến lược tốt. Theo chia sẻ của doanh nghiệp, nhà máy KVF mới sáp nhập đã đi vào hoạt động và có lãi kể từ tháng 5/2024.
39	HSG	Vật liệu cơ bản	↑	63%	↑	25%	Sản lượng và giá tôn mạ nội địa dự kiến tăng trưởng lần lượt 12% và 15% svck nhờ thị trường thép khả quan hơn svck. Hơn nữa, HSG đã tích trữ hàng tồn kho HRC giá thấp, điều này sẽ tác động tích cực đến biên gộp trong các quý tới. LN tăng trưởng svck nhờ biên gộp hồi phục trong khi giá cước vận tải giảm 30% svck.
40	VCS	Vật liệu cơ bản	↑	38%	↑	25%	Thị trường Mỹ hồi phục trong bối cảnh hàng tồn kho đồ nội thất nước này xuống mức thấp nhất trong 2 năm sẽ tác động tích cực tới KQKD
41	NKG	Vật liệu cơ bản	↑	374%	↗	12%	Sản lượng xuất khẩu và giá bán của NKG tăng trưởng lần lượt 8% và 7% svck tác động tích cực đến DT của NKG. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu HRC giảm 6% svck tác động tích cực đến biên gộp. Ngoài ra, chi phí lãi vay giảm 30% svck do lãi vay hạ nhiệt
42	DGC	Vật liệu cơ bản	↗	15%	→	-5%	LN ròng Q2/24 giảm nhẹ 5% svck chủ yếu do giá phốt pho vẫn ở mức thấp (~4150USD/tons) trong khi sản lượng chỉ cải thiện nhẹ 5% sv Q1/24.
43	BMP	Vật liệu cơ bản	↓	-30%	↓	-42%	Giá ống nhựa giảm nhẹ 5% svck trong khi đó giá nguyên vật liệu hạt nhựa tăng trở lại 10% svck tác động tiêu cực tới biên gộp của DN. Bên cạnh đó, sản lượng bán hàng giảm 8% svck. Biên gộp giảm mạnh khi đã hết HTK giá thấp khiến LN của BMP giảm 42% svck.
44	PC1	Năng lượng	↑	327%	↑	794%	LN ròng Q2/24 có thể tăng trưởng mạnh svck từ mức lỗ ròng 13 tỷ Q2/23 hỗ trợ bởi: - Lỗ tỉ giá giảm áp lực so với Q1/24 cùng với chi phí lãi vay đã giảm mạnh từ nền cao cùng kỳ. - Sản lượng thủy điện có thể cải thiện tốt hơn từ mức nền thấp năm ngoái. - LN đóng góp thêm từ mảng niken và bàn giao Yên Phong 2A.
45	POW	Năng lượng	↗	10%	↑	210%	Dự kiến sản lượng điện khí Q2 sẽ cải thiện đáng kể so với mức thấp trong Q1/24, hỗ trợ bởi nhu cầu điện toàn quốc tăng mạnh. Sản lượng thủy điện cũng sẽ có sự cải thiện từ Q2/24 phục vụ cao điểm mùa nóng Sản lượng điện than được huy động tối ưu từ A0 và Vũng Áng 1 hoạt động full công suất khi hoàn tất sửa chữa tổ máy 1.
46	NT2	Năng lượng	↓	-113%	↗	8%	Sản lượng dự kiến đi ngang svck, và giá bán cũng neo ở mức cao do giá khí neo cao, chúng tôi kỳ vọng LN có thể tăng nhẹ svck nhưng cải thiện mạnh từ mức lỗ Q1/24.
47	REE	Năng lượng	↗	5%	→	4%	Dự kiến sản lượng thủy điện có thể phục hồi từ mức thấp Q2/24, tuy nhiên, giá bán thủy điện có thể giảm 10-15% do sản lượng huy động trên thị trường giảm. Làm giảm đà tăng doanh thu. Các mảng khác chủ yếu duy trì LN ổn định svck, triển vọng tăng trưởng sẽ mạnh mẽ hơn từ Q3/24 khi tòa nhà văn phòng E.Town 6 đi vào hoạt động và bàn giao Thái Bình Light square trong nửa cuối năm
48	VJC	Công nghiệp	↑	496%	↑	1408%	Khách quốc tế phục hồi mạnh, giá nhiên liệu ở mức ổn định
49	ACV	Công nghiệp	↑	50%	↑	29%	Tổng lượng khách quốc tế trong 5 tháng đầu năm 2024 tăng 64,9% so với cùng kỳ năm 2023 là cơ sở cho động lực tăng trưởng Q2/24 của ACV
50	HAH	Công nghiệp	↗	10%	↘	-12%	LN giảm nhẹ do nhận tàu mới khiến chi phí khấu hao tăng nhưng tàu chưa đạt điểm hoạt động hiệu quả, giá cước vận tải biển tăng cao gần đây chưa phản ánh lên LN quý 2 này
51	GMD	Công nghiệp	↓	-32%	↓	-81%	LN dự báo giảm do cùng kỳ năm ngoái GMD ghi nhận lợi nhuận đột biến từ thoái vốn cảng Nam Hải - Đình Vũ
52	FPT	ICT	↗	21%	↗	21%	LN ròng duy trì đà tăng trưởng 21% svck nhờ tăng trưởng ổn định từ tất cả các mảng kinh doanh. Trong đó mảng CNTT nước ngoài tăng trưởng 26% svck nhờ được dẫn dắt bởi sức tăng của các thị trường Nhật Bản và APAC. Mảng Dịch vụ CNTT trong nước ghi nhận doanh thu đạt 3,015 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 7.0%, thúc đẩy bởi nhu cầu đầu tư cho công nghệ từ khối ngân hàng & tài chính.
53	CTR	ICT	↗	10%	↗	7%	5 tháng đầu năm, doanh thu của Viettel Construction đạt hơn 4.606 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 249,7 tỷ đồng, tăng trưởng 5% so với cùng kỳ năm 2023.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Lê Minh Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyến

Đỗ Lan Phương

Nguyễn Đức Hải

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Minh Trí

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền